

Số: 926/NQ-HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 11 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT HĐQT**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà Cao Cường;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà Cao Cường số 925/BB-HĐQT ngày 20/11/2024.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1: Thống nhất điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:**

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	KH 2024/TH 2023 (%)
A	<b>SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
I	<b>Sản xuất khối lượng hiện vật chủ yếu</b>				
1	Tro bay ẩm	Tấn	275.171	200.000	73%
2	Tro bay khô	Tấn	284.964	170.000	60%
3	Than qua tuyển	Tấn	94.793	62.000	65%
4	Vữa xây dựng SCL - Mortar M5.0	Tấn	183.527	190.000	104%
5	Vữa xây dựng SCL - Mortar M7.5	Tấn	120.263	120.000	100%
6	Vữa xây dựng SCL - Mortar M10.0	Tấn		1.000	
7	Vữa xây dựng SCL - Mortar M5.0 (bao 50kg)	Tấn		7.000	
8	Keo dán gạch SCL - EKOTEX C1	Tấn	3.835	3.200	83%
9	Keo dán gạch Elephants C1	Tấn	1.636	1.500	92%



10	Keo dán gạch Tiger	Tấn	459	600	131%
11	Keo dán gạch Rooster C1	Tấn	285	200	70%
12	Keo dán gạch khác	Tấn		2.500	
13	Gạch nhẹ	M3	34.927	70.000	200%
14	Tấm Panel SCL - ALC 1 lõi thép	M3	6.949	18.000	259%
15	Tấm Panel SCL - ALC 2 lõi thép	M3	5.438	7.000	129%
<b>II</b>	<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>1000đ</b>	<b>476.196.770</b>	<b>408.961.500</b>	<b>86%</b>
<b>II.1</b>	<b>Doanh thu sản xuất kinh doanh</b>	<b>1000đ</b>	<b>473.477.182</b>	<b>405.461.500</b>	<b>86%</b>
1	Tro bay ẩm	1000đ	960.241	1.000.000	104%
2	Tro bay khô	1000đ	122.252.684	30.345.000	25%
3	Than qua tuyển	1000đ	65.330.764	43.710.000	67%
4	Vữa xây dựng SCL - Mortar M5.0	1000đ	116.178.309	112.119.000	97%
5	Vữa xây dựng SCL - Mortar M7.5	1000đ	75.502.771	73.200.000	97%
6	Vữa xây dựng SCL - Mortar M10.0	1000đ		550.000	
7	Vữa xây dựng SCL - Mortar M5.0 (bao 50kg)	1000đ		3.920.000	
8	Keo dán gạch SCL - EKOTEX C1	1000đ	10.523.106	7.344.000	70%
9	Keo dán gạch Elephants C1	1000đ	4.414.162	3.442.500	78%
10	Keo dán gạch Tiger	1000đ	1.172.598	1.377.000	117%
11	Keo dán gạch Rooster C1	1000đ	715.275	459.000	64%
12	Keo dán gạch khác	1000đ		5.737.500	
13	Gạch nhẹ	1000đ	35.035.335	64.505.000	184%
14	Tấm Panel SCL - ALC 1 lõi thép	1000đ	16.188.578	31.365.000	194%
15	Tấm Panel SCL - ALC 2 lõi thép	1000đ	13.081.003	13.387.500	102%
16	Các sản phẩm khác	1000đ	7.838.607	3.000.000	38%
17	Xử lý tiêu thụ tại Vĩnh Tân	1000đ	4.283.748	10.000.000	233%
<b>II.2</b>	<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>1000đ</b>	<b>734.998</b>	<b>500.000</b>	<b>68%</b>
<b>II.3</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>1000đ</b>	<b>1.984.590</b>	<b>3.000.000</b>	<b>151%</b>
<b>II.4</b>	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1000đ</b>			
<b>II.5</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1000đ</b>	<b>476.196.770</b>	<b>408.961.500</b>	<b>86%</b>

III	Tổng chi phí	1000đ	420.486.568	377.374.750	90%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	1000đ	55.710.203	31.586.750	57%
V	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1000đ	11.822.648	6.317.350	53%
1	Thuế TNDN	1000đ	11.822.648	6.317.350	53%
VI	Lợi nhuận sau thuế	1000đ	43.887.555	25.269.400	58%
VII	Lỗ/lãi lũy kế các năm trước	1000đ	5.691.708		0%
VIII	Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế	1000đ	49.579.262	25.269.400	51%
IX	Trích lập các quỹ	1000đ	11.849.640	6.317.350	53%
1	Trích quỹ đầu tư phát triển sản xuất (5%)	1000đ	2.194.378	1.263.470	58%
2	Trích quỹ phúc lợi (10%)	1000đ	4.388.755	2.526.940	58%
3	Trích quỹ khen thưởng (5%)	1000đ	2.194.378	1.263.470	58%
4	Quỹ thưởng ban điều hành Công ty (7%)	1000đ	3.072.129	1.263.470	41%
X	Lợi nhuận sau thuế còn lại chia cổ tức	1000đ	37.729.623	18.952.050	50%
XI	Lợi nhuận chia cổ tức	1000đ	37.321.790	18.660.895	50%
1	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20,0	10,0	50%
2	Số tiền chia cổ tức/CP	Đồng	2.000	1.000	50%
*	<b>Đánh giá một số chỉ tiêu cơ bản</b>				
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	%	11,7%	7,7%	66%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	23,5%	13,5%	58%
3	Lãi cơ bản/cổ phiếu (LN/18.660.895 CP)	1000đ	2,985	1,693	57%
B	<b>ĐẦU TƯ</b>	1000đ	157.612.025	215.000.000	136%
1	Đầu tư tài sản	1000đ	135.452.729	40.000.000	30%
	Đầu tư tài sản tại Nhà máy Phả Lại	1000đ	47.455.419	30.000.000	63%
	Đầu tư tài sản tại Cảng Vĩnh Tân	1000đ	87.997.309	10.000.000	11%
2	Đầu tư dự án: Dây truyền phân tách tro xỉ	1000đ	22.159.296	175.000.000	790%



<b>C</b>	<b>Bảo lãnh các khoản tại ngân hàng</b>	<b>1000đ</b>	<b>8.480.871</b>	<b>40.000.000</b>	
<b>D</b>	<b>LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG</b>				
<b>I</b>	<b>Lao động</b>				
1	Tổng số lao động trong toàn Công ty	Người	251	334	133%
1,1	<i>Lao động gián tiếp sản xuất (Q.ly và phục vụ, bán hàng)</i>	Người	65	82	126%
1,2	<i>Lao động trực tiếp sản xuất</i>	Người	186	252	135%
<b>II</b>	<b>Tiền lương</b>				
2,1	Tổng quỹ lương và tính chất lương	Tỷ đ	39,1	54,1	138%
2,2	Thu nhập bình quân của người lao động	Tr/ng/t	13,0	13,5	104%

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Thành viên HĐQT, Ban điều hành, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Kiều Văn Mát**